

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2025-2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ Quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương 2 cấp đối với Giáo dục phổ thông;

Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hoá - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực GDĐT;

Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT năm học 2025-2026;

Công văn số 455/SGDĐT-GDTH ngày 13/8/2025 của Sở GDĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cấp tiểu học;

Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học;

Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021;

Công văn số 3539/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học cấp Tiểu học năm học 2019-2020;

Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/3020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2;

Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học;

Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 cấp Tiểu học;

Công văn số 573 /SGDĐT - GDTH ngày 22/8/2025 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình V/v triển khai làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo, dạy học môn Tiếng Anh tự chọn dành cho học sinh lớp 1, 2;

Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 về việc tổ chức hoạt động thư viện trong trường Tiểu học từ năm học 2020-2021;

Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Quyết định phê duyệt đề cương chi tiết nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học tỉnh Hà Nam;

Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/05/2024 của Bộ GDĐT hướng dẫn lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh trong trường Tiểu học, THCS và trường Phổ thông có nhiều cấp học (có hiệu lực từ 1/7/2024);

Công văn số 7235/BGDĐT-GDTH ngày 26/12/2023 về việc hướng dẫn sử dụng tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học; Công văn số 80/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 02/01/2024 về việc hướng dẫn sử dụng tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học; tài liệu theo Quyết định 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ giáo dục và Đào tạo Phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học trong các môn học (Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm);

Thông tư 04/2014/TT- BGDĐT ngày 28/02/ 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành qui định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong giáo dục Tiểu học;

Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Giáo dục kỹ năng Công dân số ở cấp tiểu học;

Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 ban hành Danh mục tối thiểu môn học GDQP&AN;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học;

Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học;

Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Công văn số 590/SGDĐT-CTHSSV ngày 22/8/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc phối hợp triển khai giáo dục kỹ năng sống trong các cơ sở giáo dục tiểu học;

Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ vào kế hoạch số 84/KH-THNT ngày 15/8/2025 về Kế hoạch triển khai xây dựng kế hoạch nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ vào kết quả giáo dục đạt được từ năm học 2024-2025; căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Trường Tiểu học Nhật Tân xây dựng Kế hoạch giáo dục năm

học 2025-2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

Phường Kim Thanh là một phường làng đa nghề, có diện tích: 13,49 km², dân số: 26.050 người, mật độ dân số: 1931 người/km². Đây là đơn vị có diện tích xếp thứ: 128, số dân xếp thứ: 95 và mật độ dân số xếp thứ: 13 trong số 129 xã, phường ở Ninh Bình. Phường này nằm trên Quốc lộ 38. Theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Tân Tựu và xã Hoàng Tây thành phường mới có tên gọi là phường Kim Thanh. Phường Kim Thanh mới được hình thành với mục tiêu tạo ra một đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn, giúp tăng cường hiệu quả quản lý và khai thác tiềm năng kinh tế, văn hóa của khu vực. Sự hợp nhất này đã kết hợp những điểm mạnh của phường Tân Tựu và xã Hoàng Tây, tạo nên một phường mới với diện mạo năng động và nhiều triển vọng. Chính quyền địa phương đang nỗ lực xây dựng phường Kim Thanh thành một khu vực đáng sống với cơ sở hạ tầng hiện đại và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế. Các kế hoạch quy hoạch đô thị, cải thiện môi trường sống và phát triển du lịch đang được triển khai, nhằm mang lại sự thịnh vượng và bền vững cho khu vực. Phường Kim Thanh được kỳ vọng sẽ trở thành một trung tâm kinh tế – văn hóa mới của tỉnh Ninh Bình.

Toàn phường có 15 thôn với tổng số dân 26.050 khẩu. Đảng bộ có 35 chi bộ trực thuộc trong đó có 15 chi bộ thôn, 09 chi bộ giáo dục, 02 chi bộ y tế, 03 chi bộ HTX Nông nghiệp, 01 chi bộ công an, 01 chi bộ quân sự, 01 chi bộ cơ quan Đảng, 01 chi bộ UBND, 02 chi bộ quỹ tín dụng nhân dân. Tổng số đảng viên của Đảng bộ là 842 đồng chí.

Dưới sự lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường đã đề ra các chương trình, giải pháp, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các giải pháp đặt biệt quan tâm đến giải quyết việc làm, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, không ngừng cải thiện nâng cao đời sống cho nhân dân.

Công tác giáo dục, y tế được quan tâm thực hiện tốt; trên địa bàn xã đã xây dựng 7/9 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia toàn xã 9/9 = 100%. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục THCS và xóa mù chữ mức độ 2.

- Các hoạt động văn hóa thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; Di tích lịch sử được quan tâm giữ gìn và phát huy; công tác

quản lý nhà nước nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thông tin được tăng cường đảm bảo đúng định hướng.

- Các chính sách xã hội được triển khai thực hiện tốt, nhất là chính sách đối với người có công, giảm nghèo, an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn đạt kết quả tích cực.

* Thuận lợi:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường

* Khó khăn:

- Phường Kim Thanh là phường đa nghề nên khi hết giờ học về nhà nhiều em phải phụ giúp việc với gia đình, một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học hành của con em hoặc đi làm ăn xa, phó thác việc giáo dục con cho nhà trường nên có sự chênh lệch đáng kể về đời sống văn hóa và mặt bằng dân trí đối với các trường trong huyện.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phường; Đảng ủy, chính quyền và nhân dân phường Kim Thanh và Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn quan tâm, sát cánh phối kết hợp chặt chẽ cùng nhà trường.

- Trường có 35 lớp với 1227 học sinh; Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 98,78%.

Khối	Lớp	Tổng số	Tỉ lệ hs/lớp	Nữ	Khuyết tật	Dân tộc	HS khó khăn
1	7	244	34,85	110	0	0	5
2	7	250	35,7	123	2	0	3
3	8	269	33,63	136	0	0	2
4	6	231	38,5	94	2	0	4
5	7	233	32,3	112	1	0	6
Tổng	35	1227	35	575	5	0	20

* Thuận lợi:

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày, 9 buổi/ tuần. Cha mẹ học sinh đã có nhiều chuyển biến quan tâm tới công tác giáo dục của nhà trường

- Tỷ lệ học sinh nữ và nam tương đối đồng đều đa số học sinh ngoan, hiếu học nên rất thuận lợi cho công tác chủ nhiệm và giảng dạy của GV

* Khó khăn: Trường có 5 học sinh khuyết tật học hòa nhập, 2 học sinh lưu ban và một số học sinh khả năng nhận thức chậm nên gặp khó khăn trong học tập, mặc dù giáo viên đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ nhưng các em vẫn không đáp ứng được.

- Nhà trường chưa có điều kiện tổ chức ăn bán trú cho học sinh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Đối tượng	Số lượng	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ đào tạo				Ghi chú
		Nam	Nữ	Từ 20 đến dưới 35	Từ 35 đến dưới 45	Từ 45 trở lên	Trên 50	TH	CD	ĐH	SĐ H	
1. CBQL	03	01	02	0	01	01	01			02	01	
2. GV	49	04	45	11	13	11	14		02	47	0	
2.1 GV dạy môn cơ bản	35	0	35	8	06	07	14		01	34		
2.2. GV dạy môn chuyên biệt	14	04	10	03	07	04			02	12		
- Ngoại ngữ 1	05	0	05	01	01	03				05		
- Âm nhạc	02	0	01	0	02	0				02		
- Mỹ thuật	02	01	01	01	01	0				02		
- Giáo dục thể	03	02	01	0	02	01				03		

chất												
Tin học	02	01	01	01	01	0				02		
3.TPT Đội												
4. Nhân viên	03	0	03	01	02	0			01	02	0	
Tổng	55	5	50	12	16	15	15	0	03	52	01	
- Tỷ lệ giáo viên trên lớp 49/35 = 1,4.												

*** Điểm mạnh của nhà trường**

- Trường có 35 lớp với 1227 học sinh, bộ máy tổ chức đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học; Nhà trường có 54 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ giáo viên có 49 đồng chí (05 hợp đồng), trong đó 35 giáo viên văn hóa, 14 giáo viên bộ môn; Đảng viên: $26/54 = 48\%$; có $47/49 = 95,91\%$ giáo viên đạt trình độ Đại học.

- Cán bộ quản lý của trường gồm 3 đồng chí. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, giám nghĩ, giám làm và giám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học..

- Đội ngũ giáo viên có 2 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh; có 37/47 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, có 2 giáo viên là giáo viên phổ thông cốt cán thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới;

- Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả;

- Chất lượng giáo dục đảm bảo ổn định và được nâng cao: học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99,45%; 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học; học sinh được đánh giá về năng lực và phẩm chất đạt 100%; trong đó học sinh được khen thưởng hàng năm đạt từ 45% trở lên;

- Số học sinh/lớp bình quân 35 em, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc giáo viên có thể dạy đến từng học sinh;

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày, trên 90% học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể;

- Đa số các em học sinh ngoan ngoãn, biết kính trên nhường dưới, kính thầy yêu bạn, biết đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập. Mọi nề nếp phục vụ cho học tập được xây dựng và duy trì;

- Nhà trường có đủ phòng học 35 phòng/35lớp; được trang bị tương đối đầy đủ thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu ;

- Nhà trường đã quản lý và sử dụng hợp lý nguồn ngân sách chi thường xuyên trên cấp và thực hiện nghiêm túc các khoản đóng góp từ nhân dân.

*** Điểm yếu**

- Số lượng đội ngũ giáo viên chưa đảm bảo theo tỉ lệ quy định (Mới có 49/35 = 1,4 GV/ lớp).

- Chưa có giáo viên chuyên biệt về tổng phụ trách Đội nên chất lượng hiệu quả của các chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi chưa đạt hiệu quả cao.

- Có 6/49 chiếm 12,6% giáo viên chưa linh hoạt trong đổi mới phương pháp dạy học, kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế.

- Một số học sinh chậm phát triển trí tuệ, 05 học sinh bị khuyết tật học hòa nhập. Khả năng nhận thức của học sinh không đồng đều;

- Phòng học ở điểm trường số 2 xây dựng đã lâu, diện tích nhỏ hẹp nên không thuận lợi cho việc tổ chức lớp học theo nhóm.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, CSVC thực hiện bán trú

*** Cơ sở vật chất**

+ Điểm trường số 1

S T T	Diễn giải	Số phòng	Diện tích	Loại phòng
I	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	20	960	Kiên cố
2	Phòng bộ môn : Âm nhạc, Mỹ thuật	0	0	Kiên cố
3	Phòng bộ môn : Tin học	0	0	Kiên cố
4	Phòng bộ môn : Ngoại ngữ	0	0	Kiên cố
II	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	3	96	Kiên cố
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	48	Kiên cố
3	Phòng Truyền thống+hoạt động Đội	1	24	Kiên cố
II I	Khối phụ trợ			
1	Phòng họp	1	48	Kiên cố
I V	Khối Hành chính - quản trị			

		8		
1	Phòng Hiệu trưởng	1	25	Kiên cố
2	Phòng Phó hiệu trưởng	1	25	Kiên cố
3	Y tế	1	25	Kiên cố
4	Phòng tiếp dân	1	25	Kiên cố
5	Kế toán	1	25	Kiên cố
6	Phòng bảo vệ	1	20	Kiên cố

+ Điểm trường số 2

S T T	Diễn giải	Số phòng	Diện tích	Loại phòng
I	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	15	720	Kiên cố
2	Phòng bộ môn : Âm nhạc, Mỹ thuật	0	25	Kiên cố
3	Phòng bộ môn : Tin học	1	25	Kiên cố
4	Phòng bộ môn : Ngoại ngữ	0	0	Kiên cố
II	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	1	25	Kiên cố
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	25	Kiên cố
4	Phòng Truyền thống+hoạt động Đội	0	0	Kiên cố
II I	Khối phụ trợ			
1	Phòng họp	0	0	Kiên cố
I V	Khối Hành chính - quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	0	0	Kiên cố
2	Phòng Phó hiệu trưởng	1	25	Kiên cố

		9		
3	Y tế	0	0	Kiên cố
4	Phòng tiếp dân	0	0	Kiên cố
5	Kế toán	0	0	Kiên cố
6	Phòng hành chính	0	0	Kiên cố
7	Phòng bảo vệ	0	0	Kiên cố

*** Thiết bị dạy học**

Tên thiết bị dạy học	khối 1		Khối 2		Khối 3		khối 4		khối 5		Khác	
	SL	Tình trạng	SL	Tình trạng	SL	Tình trạng	SL	Tình trạng	SL	Tình trạng	SL	Tình trạng
TB dạy học tối thiểu	7	Tốt	7	Tốt	8	Tốt	6	Tốt	7	Tốt		
Máy chiếu											4	Hỏng 2
Máy tính											25	Tốt
Đàn											02	Tốt
Máy in											5	Tốt
Ti vi	7	Tốt	7	Tốt	8	Tốt	6	Tốt	7	Tốt		

Thuận lợi:

Trường có 35 phòng học đủ cho 35 lớp học 2 buổi/ngày, mỗi lớp có một phòng học riêng, thuận tiện cho việc dạy và học của thầy và trò. Các phòng học ở điểm trường số 1(20 phòng đều được xây dựng kiên cố, chắc chắn với diện tích 48 m²/phòng. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, đảm bảo an toàn cho GV và HS theo quy định về vệ sinh trường học. Các phòng học ở điểm trường số 2 (15 phòng) xây dựng đã lâu, diện tích nhỏ hẹp nên không thuận lợi cho việc tổ chức lớp học theo nhóm. Trường còn thiếu phòng chức năng đảm bảo cho nhu cầu và các hoạt động của nhà trường.

Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị : có bảng lớp, ti vi màn hình lớn, hệ thống đèn và quạt điện, bàn, ghế GV và HS đúng quy cách, có tủ đựng đồ dùng phục vụ cho dạy và học, có bộ đồ dùng phục vụ cho việc dạy học.

Khó khăn:

Trường có hai điểm trường khoảng cách giữa 2 điểm trường không xa 1 km thuận tiện cho việc đi lại của học sinh nhưng công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường đôi khi cũng gặp khó khăn khi phải tổ chức tập trung tại một điểm trường.

Trường không có các phòng chức năng đặc biệt phòng giáo dục thể chất và phòng đa năng nên khi trời mưa không tổ chức dạy được môn giáo dục thể chất. Sân trường diện tích chưa đủ chưa đảm bảo điều kiện sân tập cho học sinh.

Một số thiết bị dạy học như máy tính phòng tin đã sử dụng lâu năm nên thường xuyên bị hỏng.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

Năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của ngành giáo dục; triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các khối lớp theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Chú trọng công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục toàn diện; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc, lấy học sinh làm trung tâm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI). Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới; phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, trách nhiệm trong mọi hoạt động.

1.1. Nhà trường kiên trì tiếp tục thực hiện định hướng "Đổi mới, sáng tạo, đoàn kết, tích cực xây dựng nhà trường với 3 giá trị căn bản: **An toàn - Sáng tạo - Hiệu quả**" tạo ra sự thay đổi, làm chuyển biến nhanh hơn, rõ hơn chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT) đối với cả 5 khối lớp.

1.2. Tiếp tục sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; tiếp tục tham mưu với địa phương sửa chữa tu bổ khu lớp học và sân tập để phục vụ tốt hơn cho việc giáo dục toàn diện học sinh. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; huy động sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phấn đấu giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ năm học 2025 - 2026

1.3. Chú trọng hoạt động giáo dục STEM; thực hiện tốt việc dạy lồng ghép GDĐP, Giáo dục ANQP, tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học; Triển khai tốt Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện giáo dục mầm non và phổ thông;

1.4. Thực hiện tốt việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học.

1.5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Quản lý tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện hiện có của nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu về năng lực

*/Năng lực chung	Mức độ đánh giá	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1.1. Tự chủ và tự học	Tốt	174	71,31	178	71,2	195	72,49	167	72,29	171	73,4
	Đạt	70	28,69	72	28,8	74	27,51	64	27,71	62	26,6
	CCG										
1.2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	176	72,13	178	71,2	194	72,12	168	72,73	171	73,4
	Đạt	68	27,87	72	28,8	75	27,88	63	27,27	62	26,6
	CCG										
1.3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	174	71,31	179	71,6	195	72,49	167	72,29	171	73,4
	Đạt	70	28,69	71	28,4	74	27,51	64	27,71	62	26,6

	CCG										
*/ <i>Năng lực đặc thù</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>	<i>Lớp 1</i>		<i>Lớp 2</i>		<i>Lớp 3</i>		<i>Lớp 4</i>		<i>Lớp 5</i>	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL%</i>	<i>SL</i>
1.1. Ngôn ngữ	Tốt	147	60,25	147	58,8	155	57,62	130	56,28	132	56,65
	Đạt	97	39,75	103	41,2	114	42,38	101	43,72	101	43,35
	CCG										
1.2. Tính toán	Tốt	151	61,89	149	59,6	156	57,99	130	56,28	132	56,65
	Đạt	93	38,11	102	40,4	113	42,01	101	43,72	101	43,35
	CCG										
1.3. Khoa học	Tốt	150	61,48	146	58,4	156	57,99	131	56,71	131	56,22
	Đạt	94	38,52	104	41,6	113	42,01	100	43,29	102	43,78
	CCG										
1.4. Thẩm mỹ	Tốt	159	65,16	153	61,2	163	60,59	140	60,61	140	60,08
	Đạt	85	34,84	97	38,8	106	39,41	91	39,39	93	39,92
	CCG										
1.5. Thể chất	Tốt	151	61,89	151	60,4	163	60,59	140	60,61	140	60,08
	Đạt	93	38,11	99	39,6	106	39,41	91	39,39	93	39,92
	CCG										
1.6. Công nghệ	Tốt					162	60,22	139	60,17	140	60,08
	Đạt					107	39,78	92	39,83	93	39,92
	CCG										
	Tốt					162	60,22	139	60,17	140	60,08

[illegible]

<i>Những PC cơ bản</i>	<i>Mức đạt</i>	<i>Lớp 1 (132)</i>		<i>Lớp 2 (133)</i>		<i>Lớp 3 (148)</i>		<i>Lớp 4 (147)</i>		<i>Lớp 5 (153)</i>	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL</i>	<i>SL</i>	<i>TL</i>	<i>SL</i>	<i>TL</i>
2.4. Trung thực	Tốt	188	77,05	189	75,6	203	75,46	169	73,16	171	73,4
	Đạt	56	22,95	61	24,4	66	24,54	62	26,84	62	26,6
	CCG										
2.5. Trách nhiệm	Tốt	188	77,05	189	75,6	203	75,46	169	73,16	171	73,4
	Đạt	56	22,95	61	24,4	66	24,54	62	26,84	62	26,6
	CCG										

2.3. Chỉ tiêu về các môn học và hoạt động giáo dục

		<i>Lớp 1</i>		<i>Lớp 2</i>		<i>Lớp 3</i>		<i>Lớp 4</i>		<i>Lớp 5</i>	
		<i>SL</i>	<i>TL%</i>	<i>SL</i>	<i>TL%</i>	<i>SL</i>	<i>TL%</i>	<i>SL</i>	<i>TL%</i>	<i>SL</i>	<i>TL%</i>
I. Các môn học và hoạt động giáo dục											
Tiếng Việt	Hoàn thành tốt	147	60,24	144	57,6	155	57,62	130	56,28	132	56,65
	Hoàn thành	93	38,12	106	42,4	114	42,38	101	43,72	101	43,35
	Chưa hoàn thành	4	1,64								
Toán	Hoàn thành tốt	150	61,48	146	58,4	156	57,99	131	56,71	132	56,65

[illegible]

		<i>Lớp 1</i>		<i>Lớp 2</i>		<i>Lớp 3</i>		<i>Lớp 4</i>		<i>Lớp 5</i>	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
Tin học- Công nghệ (TH)	Hoàn thành tốt					160	59,48	130	56,28	132	56,65
	Hoàn thành					109	40,52	101	43,72	101	43,35
	Chưa hoàn thành										
TNXH/ Khoa học	Hoàn thành tốt	150	61,48	151	60,4	162	60,22	130	56,28	132	56,65
	Hoàn thành	94	38,52	99	39,6	107	39,7 8	101	43,72	101	43,35
	Chưa hoàn thành										
Lịch sử - Địa Lý	Hoàn thành tốt							130	56,28	132	56,65
	Hoàn thành							101	43,72	101	43,35
	Chưa hoàn thành										
Hoạt động trải nghiệm	Hoàn thành tốt	150	61,48	148	59,2	162	60,22	133	57,58	135	57,94
	Hoàn thành	94	38,52	102	40,8	107	39,7 8	98	42,42	98	42,06
	Chưa hoàn thành										
II. . Đánh giá kết quả giáo dục	Hoàn thành XS	40	16,39	52	20,8	59	21,93	50	21,64	50	21,55
	Hoàn thành tốt	68	27,87	58	23,2	60	22,30	51	22,08	52	22,41
	Hoàn thành	132	54,10	140	56,0	150	55,76	130	56,28	130	56,03
	Chưa hoàn thành	4	1,64			0	0	0	0	0	0
III. Khen thưởng	Cấp trường	108	44,26	110	43,8	119	44,23	101	43,72	102	43,96
	- Cấp trên							10	4,33	15	6,46

		<i>Lớp 1</i>		<i>Lớp 2</i>		<i>Lớp 3</i>		<i>Lớp 4</i>		<i>Lớp 5</i>	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
IV. HTCT lớp học, HTCT TH	Hoàn thành	240	98,36	250	100	269	100	231	100	232	100
	Chưa hoàn thành	4	1,64	0	0	0	0	0	0	0	0

- $990/994 = 99,6\%$ học sinh lớp 1,2,3,4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học. Khen thưởng $614/1227 = 50\%$.

- Phấn đấu tham gia các sân chơi trên mạng Internet đạt nhiều giải cao. Thi thể thao các môn (môn bóng đá nam) nhiều học sinh tham gia và đạt giải.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 5 học sinh khuyết tật của trường và những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ tích cực để đạt yêu cầu.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học 2025-2026

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH /Khoa học	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
5	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	Nghệ thuật (AN)	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
7	Nghệ thuật (MT)	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	LSĐL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	36	34	70	36	34
9	Tin học và CN (CN)	0	0	0	0	0	0	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học và CN (TH)	0	0	0	0	0	0	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Ngoại ngữ (TA)	0	0	0	0	0	0	140	72	68	140	72	68	140	72	68
12	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
TT	HĐGD	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
2. Môn học tự chọn																
1	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Các tiết học tăng cường																
1	TH MT	35	18	17	35	18	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ôn Toán/ Rèn chữ	31	16	15	31	16	15	66	34	32	31	16	15	31	16	15
3	HĐGD	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
4	TH KN TA	70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Tiết ĐTV	4	2	2	4	2	2	4	2	2	4	2	2	4	2	2
6	Ôn TV				0	0	0	35	18	17				0	0	0
TỔNG		1095	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2025	Em yêu trường em	Chúng em vui Trung thu	Thi biểu diễn văn nghệ, phá cỗ	06/10/2025 (Giờ ra chơi Buổi sáng tại các lớp)	HS, GV, TP T Đội	ĐTN, CMHS
10/2025	Chăm ngoan, học giỏi	Kể chuyện, đọc thơ về mẹ và cô	Thi kể chuyện, đọc thơ giữa các lớp - Tập trung tại sân trường	20/10/2025 (HĐTN Chào cờ đầu tuần)	HS, GV, PHT; TPT Đội	GV, CMHS
11/2025	Tôn sư trọng đạo	Tổ chức các HĐ văn nghệ Chào mừng ngày 20/11	Thi biểu diễn văn nghệ, đóng kịch, kể chuyện giữa các lớp - Tập trung tại sân trường	17/11/2025 (Tiết HĐTN thứ hai đầu tuần.)	Học sinh	GV toàn trường
Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia

12/2025	Yêu anh bộ đội Cụ Hồ	Tìm hiểu về truyền thống Bộ đội Cụ Hồ	Nghe nói chuyện về truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam	22/12/2025 (Tiết HĐTN thứ hai đầu tuần.)	HS, GV, PHT; TPT Đội	CCB phường
1,2/2026	Mừng Đảng mừng xuân	Tìm hiểu về Đảng và Bác. Một số hoạt động đón Tết cổ truyền.	Tại sân trường -Thi tìm hiểu về Đảng về Bác. -Tổ chức một số hoạt động vui tết cổ truyền như gói bánh chưng, bày mâm ngũ quả	02/02/2025 (Tiết HĐTN thứ hai đầu tuần.) Tiết HĐTN Sinh hoạt lớp sáng 06/02/2026 5	HS, GV, PHT; TPT Đội	GV, ĐTN, CMHS
3/2026	Tiến bước lên đoàn	Tìm hiểu về Đoàn thanh niên CSHCM	Nghe Giới thiệu về Đội TNTPHCM và Đoàn TNCSHCM	23/03/2026 (Tiết HĐTN thứ hai đầu tuần.)	HS, GV, PHT; TPT Đội	GV, CMHS
4/2026	Mừng ngày toàn thắng	Thi kể chuyện theo sách	Thi kể chuyện, đọc thơ, đóng tiểu phẩm để giới thiệu sách giữa các lớp - Tập trung tại sân trường	20/04/2025 (Tiết chào cờ+ Tiết 1 thứ 2)	HS, GV, PHT; TPT Đội, NVTV	GV, CMHS
5/2026	Bác Hồ kính yêu	Hát, múa, kể chuyện Bác Hồ	Giao lưu giữa các lớp	18/05/2026 (Tiết HĐTN thứ hai đầu tuần.)	HS, GV, PHT; TPT Đội	GV, CMHS

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học (Phụ lục 1.3)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	GD kĩ năng sống	Theo từng chủ đề	HS tự nguyện	Sau tiết học chính khóa buổi chiều thứ ba, thứ năm	Các phòng học	
2	Câu lạc bộ môn học	Theo năng khiếu, sở thích	HS tự nguyện	Theo điều kiện thực tế của nhà trường (Dự kiến sau tiết học chính khóa, 1-2 tiết/tuần vào chiều thứ 2 và thứ 4	Các phòng học	Dự kiến
3	Trải nghiệm thực tế	Theo chủ đề: Tìm hiểu về truyền thống Bộ đội Cụ Hồ.	HS tự nguyện	Ngày 22/12/2025	Tham quan Bảo tàng quân đội tại Hà Nội	Dự kiến

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch đối với điểm trường (không có)

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động GD

Thực hiện Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên tỉnh Ninh Bình; cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường sớm nhất: Đối với lớp 1 trước khai giảng 2 tuần (22/8/2025), các khối khác tựu trường sớm nhất trước một tuần (29/8/2025).
- Ngày khai giảng: Ngày 05/9/2025.
- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2025 đến ngày 17/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 25/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt chuyên môn trong phường...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại Trường Tiểu học Nhật Tân thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

4.1 Đối với khối lớp 1

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện trong năm học 2025-2026 (Phụ lục 1.4)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 1 HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn/Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Cộng
1. Môn học bắt buộc																			
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Nghệ thuật (Âm Nhạc)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
2. HDGD bắt buộc																			
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
3. Môn học tự chọn																			
Ngoại ngữ (T. Anh)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tổng 1+2+3	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	486
4. Các HDGD khác																			
HDGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Rèn chữ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	16
Đọc thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	2
Thực hành Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	4	36
Thực Hành Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	18
Tổng số tiết tăng thêm/tuần	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	2	8	90
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	29	35	576

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 1 HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn/Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Cộng
1. Môn học bắt buộc																		
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	13	13	14	5	12	14	13	204
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	1	3	4	3	51
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	2	2	34
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Nghệ thuật (Âm Nhạc)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
2. HĐGD bắt buộc																		
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	0	3	3	5	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	28	27	28	11	25	28	28	425
3. Môn học tự chọn																		
Ngoại ngữ 1 (T. Anh)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tổng 1+2+3	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	30	29	30	13	27	30	30	459
4. Các HĐGD khác																		
HĐGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Rèn chữ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	1	15
Độc thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	2
Thực hành Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	4	2	2	34
Thực Hành Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
Tổng số tiết tăng thêm/tuần	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	5	1	8	5	5	5	85
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	35	35	35	14	35	35	35	544

b. Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 1. (PL 2 đính kèm)

4.2 Đối với khối lớp 2:

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.4).

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 2 HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn/Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Cộng
Môn học bắt buộc																			
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	9	11	180
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	3	36
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Nghệ thuật(Mĩ thuật)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Nghệ thuật(Âm Nhạc)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	18
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
2.HDGD bắt buộc																			
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	22	28	450
3. Môn học tự chọn																			
Ngoại ngữ 1(T. Anh)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tổng 1+2+3	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	24	30	486
4. Các HDGD khác																			
HDGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Rèn chữ	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	15
Đọc thư viện	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Thực hành Kỹ năngTiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Thực Hành Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16
Tổng số tiết tăng thêm/tuần	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	83
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	29	35	576

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 2 HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn/Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Cộng
1. Môn học bắt buộc																		

Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	170
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	5	6	2	5	6	5	85
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	3	2	2	34
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Nghệ thuật(Mĩ thuật)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Nghệ thuật(Âm Nhạc)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	2	2	34
2. HĐGD bắt buộc																		
Hoạt động trải nghiệm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	1	3	3	4	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	28	26	28	9	28	28	28	425
3. Môn học tự chọn																		
Ngoại ngữ 1(T. Anh)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	4	2	0	2	2	2	34
Tổng 1+2+3	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	30	30	30	10	30	30	30	459
4. Các HĐGD khác																		
HĐGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Rèn chữ	1	1	1	1	1	1	0	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	15
Đọc thư viện	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Thực hành Kỹ năng Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Thực Hành Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết tăng thêm/tuần	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	35	35	35	14	35	35	35	544

b. Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 2 (*Phụ lục 2 đính kèm*)

4.3 Đối với khối lớp 3:

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.4)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 3 HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025 – 2026

[illegible]

Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	
Tin học và Công nghệ (Tin học)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc																			
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
Tổng 1+2	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	504	
3. Các hoạt động giáo dục khác																			
Rèn chữ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	2	16
TĐTV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	2
Ôn Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	18
Ôn TV	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	18
HĐGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết thêm/tuần	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	7	72
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	29	35	576

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 3 HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025- 2026

Môn/Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Cộng
1. Môn học bắt buộc																		
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	8	7	8	3	7	7	9	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	5	6	2	5	6	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	0	2	2	2	34
Nghệ thuật (Âm Nhạc)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tin học và Công nghệ (Tin học)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	6	4	68

[illegible]

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 4 HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025 – 2026

[illegible]

Tin học và Công nghệ (CN)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	6	4	68
II. Hoạt động giáo dục bắt buộc																		
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	1	3	3	4	51
Tổng 1+2	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	33	32	33	14	32	33	33	510
III. Các hoạt động giáo dục khác																		
1. HĐGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
2. Ôn Toán	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	15
3. Tiết đọc thư viện	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Tổng số tiết tăng thêm/tuần	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	0	3	2	2	34
Tổng số tiết /tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	35	35	35	14	35	35	35	544

b. Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 4. (Phụ lục 2 đính kèm)

4.5 Đối với khối lớp 5:

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.4)

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 5 HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025 – 2026

[illegible]

[illegible]

KẾ HOẠCH DẠY HỌC LỚP 5 HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025 – 2026

[illegible]

Tin học và Công nghệ (TH)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học và Công nghệ (CN)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	5	5	68
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc																		
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	0	4	4	3	51
Tổng 1+2	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	33	33	14	33	33	33	510
3. Các hoạt động giáo dục khác																		
Ôn Toán	1	1	1	1	0	1	0	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
Đọc thư viện	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
HĐGD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Tổng số tiết tăng /tuần	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	3	2	2	34
Tổng số tiết /tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	14	32	32	32	544

b. Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục khối lớp 5 (Phụ lục 2 kèm theo)

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, chủ động có kế hoạch cụ thể nhằm sửa chữa, sắp xếp cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học hiện có một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Phó hiệu trưởng chủ động tham mưu với hiệu trưởng đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, tự làm thiết bị dạy học theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 ngày 5 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học-môn TNXH và đẩy mạnh việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày để tránh những bất cập khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, trước mắt là cho học sinh lớp 1,2,3,4,5.

- Chỉ đạo thư viện cập nhật sách, báo, tài liệu tham khảo phục vụ hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường. Áp dụng mô hình “thư viện xanh”, “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc...phù hợp điều kiện thực tế.

- Trang bị đầy đủ các loại sách cho giáo viên, đặc biệt là các loại tài liệu tham khảo phục vụ cho việc thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Hướng dẫn học sinh sử dụng sách, tài liệu tham khảo theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT, sử dụng có hiệu quả sách và tài liệu của thư viện nhà trường.

2. Thực hiện công tác đội ngũ

- Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5.

- Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực, tổ chức dạy học tích cực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sắp xếp tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn theo kế hoạch của Phòng giáo dục và cho giáo viên chưa đạt chuẩn đi học Đại học.

- Thực hiện tốt các chính sách phát triển đội ngũ: thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp theo lương, trợ cấp khác; đánh giá, khen thưởng nhằm nâng cao đời sống, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề.

- Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học ban hành theo Thông tư số 17/2019/TT- BGDĐT ngày 01/11/2019 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học ban hành theo Thông tư số 17/2022/TT- BGDĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế BDTX.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác trong các thành viên của nhà trường.

3. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình

- Bổ sung, hoàn thiện quy chế chuyên môn của nhà trường, tổ chuyên môn để thực hiện tốt CTGDPT 2018 (ví dụ: cần xây dựng quy trình triển khai dạy học theo chương trình môn học triển khai CTGDPT 2018, bắt đầu từ khâu nghiên cứu chương trình môn học, phát triển chương trình môn học, xây dựng kế hoạch dạy học môn học, xét duyệt kế hoạch, tổ chức dạy thử nghiệm một số tiết, tổ chức các tiết dạy đại trà, kiểm tra đánh giá tiết dạy).

- Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ/khối chuyên môn với tần suất phù hợp.

- Xây dựng các nội dung sinh hoạt chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên, đa dạng hóa các hình thức sinh hoạt chuyên đề tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn, đảm bảo hiệu quả đối với giáo viên. Chú trọng sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, SHCM về dạy học STEM và dạy học tại thư viện.....

4. Hướng dẫn đổi mới trong các hoạt động dạy và học

- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực qua các tiết chuyên đề, thao giảng; giúp đỡ giáo viên (đặc biệt là giáo viên mới tuyển) xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học;

- Yêu cầu giáo viên thông qua các tiết hướng dẫn học sinh tự học cần chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Triển khai thực hiện dạy học theo phương pháp STEM ở một số môn học, bài học; từng bước đưa phương pháp dạy học STEM vào giảng dạy.

- Triển khai dạy tích hợp nội dung Giáo dục ANQP, Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục ATGT, GD xây dựng môi trường xanh-sạch-khoẻ, GD kỹ năng CDS, ứng dụng công nghệ thông tin AI phù hợp đối với từng khối lớp.

- Lựa chọn các nội dung phù hợp với tình hình thực tế tại Thư viện để tổ chức các tiết dạy tại thư viện nhằm giúp HS có kỹ năng tìm kiếm tài liệu phù hợp với từng bài học, môn học góp phần nâng cao hiệu quả các tiết học, giúp HS có hứng thú khi học tập tại Thư viện nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học theo đúng thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Chỉ đạo tổ khối chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập,...

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

- Tiếp tục chủ động đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ GDĐT về đổi mới và phát triển giáo dục; viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, của trường, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

- Tuyên truyền những kết quả đạt được của nhà trường và của ngành để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiểu học; kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông và tuyên truyền việc thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch. Tuyên truyền sâu rộng đến học sinh và phụ huynh và giáo viên tổng đài 111 về phòng chống xâm hại cho trẻ em.

6. Kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc

- Hoàn thiện quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng đội ngũ giáo viên trên cơ sở xây dựng công cụ đánh giá đảm bảo độ tin cậy và hiệu lực.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế đánh giá, khen thưởng và xử lý vi phạm.

- Sử dụng kết quả đánh giá để thực hiện công tác thi đua khen thưởng, sử dụng các giải pháp tạo động lực làm việc cho đội ngũ giáo viên. Hàng tháng, nhà trường họp đánh giá xếp loại giáo viên trên cơ sở đánh giá chất lượng hoàn thành công việc được giao.

- Hỗ trợ tư vấn kịp thời sau đánh giá: Cử các giáo viên cốt cán kèm cặp, giúp đỡ giáo viên; dự giờ, hỗ trợ thường xuyên giáo viên trong khâu lên lớp; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các khóa bồi dưỡng để phát triển năng lực thường xuyên...

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội. Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung thiết bị dạy học; xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục; chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ; xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn; phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục;

Chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

2. Phó hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/tuần đối với học sinh của các khối lớp. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh;

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục;

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể;

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học; đổi mới phương pháp dạy học;

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn;

- Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền. Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn;

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình;

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ;

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công;

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch;

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng;

- Tổ chức cho giáo viên thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề xuất các xuất bản phẩm tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường theo quy định.

4. Tổng phụ trách đội

- Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu- kết thúc).

- Thành lập các Ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường;

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường;

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác;

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện;

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học;

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương;

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục;

- Quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục tại điểm trường khi được hiệu trưởng phân công;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng;

- Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo

dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn

cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh;

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh;

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn;

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy;

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường;

- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn;

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy;

- Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm để hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh trong kỳ I và cuối năm, tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường;

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức;
- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

7. Nhân viên

7.1. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học;
- Phối hợp với giáo viên chuẩn bị sách, tài liệu liên quan đến những tiết học tại thư viện.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách;
- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách (về thời điểm, cách tổ chức, thành phần cần phối hợp để tổ chức?...) để đảm hiệu quả hoạt động. Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục;

7.2. Đối với nhân viên văn thư kiêm y tế

- Giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, y tế, thống kê theo chế độ quy định;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công;
- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục;

7.3. Đối với nhân viên Kế toán

Giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo chế độ quy định. Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục của trường Tiểu học Nhật Tân năm học 2025-2026. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GDTH tỉnh Ninh Bình;
- Phòng Văn hoá Xã hội (để BC);
- Ban đại diện CMHS (phối hợp);
- Các tổ CM, tổ VP;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Quốc Đạt